

第

第

第一

美洲華語 4-1  
www.ncacls.org

考

考

考試、考卷

美洲華語 4-1  
www.ncacls.org

試

試

試試看

美洲華語 4-1  
www.ncacls.org

張

張

張先生、一張紙  
美洲華語 4-1  
www.ncacls.org

法

法

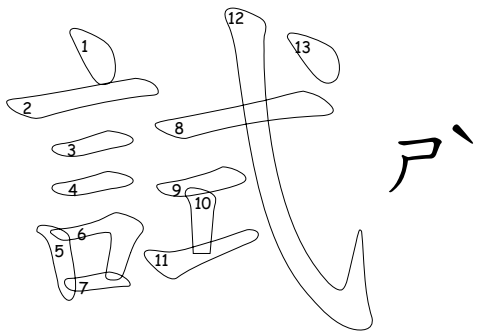
方法、法律  
美洲華語 4-1  
www.ncacls.org

因

因

因為、原因  
美洲華語 4-1  
www.ncacls.org

shì

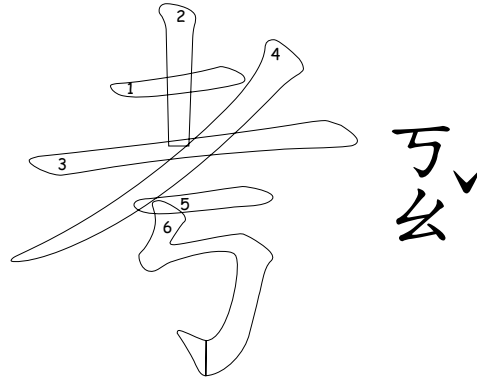


shì shì kàn

試 試 看

to try

kǎo



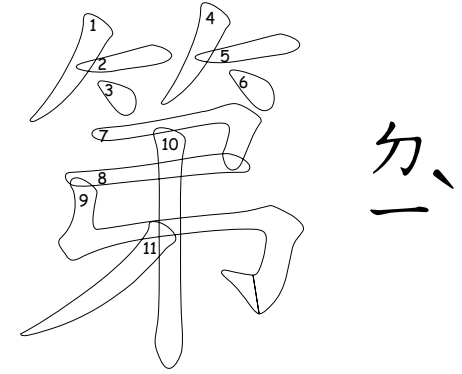
kǎo shì kǎo juàn

考 試 考 卷

test; exam.

exam. paper

dì

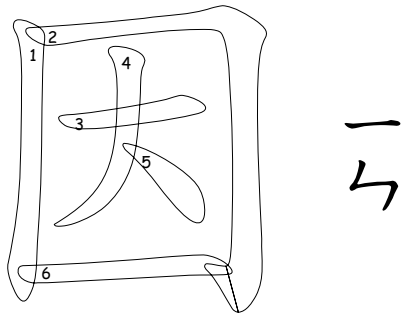


dì yī

第 一

first

yīn



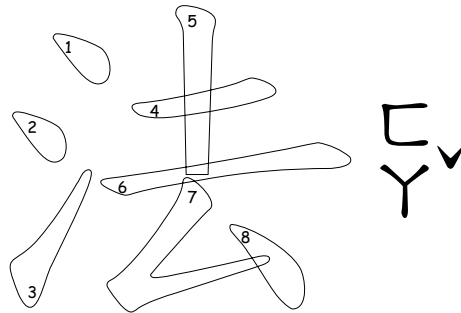
yīn wèi yuán yīn

因 為 原 因

because

cause; reason

fǎ



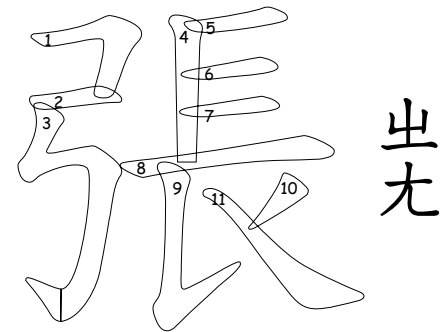
fāng fǎ fǎ lǜ

方 法 法 律

method

law

zhāng



zhāng xiān sheng yì zhāng zhǐ

張 先 生 一 張 紙

Mr. Chang

a piece of paper